

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 5174/QĐ-BNN-VP ngày 31/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 11/TTr-SNN ngày 14/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 07 thủ tục hành chính nội bộ (gồm có: 04 thủ tục cấp tỉnh; 02 thủ tục cấp huyện ; 01 thủ tục cấp xã) trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung của 02 thủ tục hành chính nội bộ (cấp tỉnh: 01; cấp huyện 01) công bố tại số thứ tự 17, Mục A, phần I, danh mục thủ tục hành chính; số thứ tự 17, Mục A, phần II, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ và số thứ tự 04, Mục B, phần I, danh mục thủ tục hành chính; số thứ tự 04, Mục B, phần II, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ được công bố tại Quyết định số 1985/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định. Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB;
- Lưu: VT, NVK (Th.H,50b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Toàn

Phụ lục**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****I. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

STT	Tên TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình 809, Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh	Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Điều 6)
2	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững thuộc	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (Điểm a, b Khoản 4 Điều 16)

	thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh			
3	Hỗ trợ trồng cây phân tán thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (Điều 23)
4	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (khoản 1 Điều 7)
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Điều 6)
2	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (khoản 2 Điều 7)
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân cấp xã	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (khoản 3 Điều 7)

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ:

(Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính nội bộ (cấp tỉnh: 01; cấp huyện 01) công bố tại Quyết định số 1985/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên TTHC nội bộ	Căn cứ pháp lý
I	TTHC CẤP TỈNH	
1	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 5174/QĐ-BNN-VP ngày 31/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II	TTHC CẤP HUYỆN	
1	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa. - Quyết định số 5174/QĐ-BNN-VP ngày 31/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Lâm nghiệp

1. Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình 809, Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, tổ chức, chủ đầu tư dự án xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1 năm sau, gửi cơ quan thường trực Chương trình 809, Tiểu dự án 1 của địa phương tổng hợp: tổ chức, chủ đầu tư dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các Sở, ngành, tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 809 của đơn vị.

Bước 2: Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, cơ quan chuyên môn, đơn vị được giao, tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình 809, Tiểu dự án 1 năm sau của địa phương:

- Văn phòng thường trực Chương trình cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao cấp tỉnh, tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình 809 năm sau của địa phương, trình Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình 809 xem xét thông qua trước khi gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ Chương trình), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

- Cơ quan, đơn vị được giao, tổng hợp kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 năm sau của địa phương mình, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (Cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương), đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ dự án thành phần).

Bước 3: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các địa phương tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1 năm sau:

- Đối với Chương trình 809: Gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp;

- Đối với Tiểu dự án 1: Gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp.

Bước 4: Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Văn phòng Ban Chỉ đạo trung ương thực hiện Chương trình 809, cơ quan chuyên môn được giao tổng hợp, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kế hoạch và phương án phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình 809 năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Bước 5: Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các địa phương thực hiện Chương trình 809 giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm chi tiết theo nội dung, hạng mục thực hiện Chương trình 809.

Đối với Tiểu dự án 1, việc giao kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg có liên quan khác.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

Kế hoạch thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1 năm sau.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1 gửi cơ quan thường trực Chương trình 809, Tiểu dự án 1 của địa phương: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

- Tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1: Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm;

- Các địa phương thực hiện Chương trình 809 và Tiểu dự án 1: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

- Trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kế hoạch và phương án phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình 809, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm;

- Các địa phương thực hiện Chương trình 809 giao các cơ quan, đơn vị trực thuộc mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm chi tiết theo nội dung, hạng mục thực hiện Chương trình 809: Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, chủ đầu tư dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các Sở, ngành.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Kế hoạch và phương án phân bổ kinh phí thực hiện;

- Thực hiện Chương trình 809, Tiểu dự án 1.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -

xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ quy mô, địa điểm, diện tích, danh sách chủ rừng, nguồn kinh phí hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Bước 2: Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo dự án được phê duyệt quy định tại Bước 1 cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cấp kinh phí hỗ trợ cho chủ rừng là tổ chức và giao dự toán kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để cấp kinh phí hỗ trợ cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

Dự thảo dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh (xác định rõ quy mô, địa điểm, diện tích, danh sách chủ rừng, nguồn kinh phí hỗ trợ).

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phê duyệt dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh;

- Cấp kinh phí và giao dự toán kinh phí hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để cấp kinh phí hỗ trợ cho chủ rừng.

h). Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

3. Hỗ trợ trồng cây phân tán thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ trồng cây phân tán của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia trồng cây phân tán, đáp ứng điều kiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đất và nhu cầu trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch trồng cây phân tán kèm theo dự toán kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai kế hoạch, nghiệm thu, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

Dự thảo kế hoạch trồng cây phân tán kèm theo dự toán kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt kế hoạch trồng cây phân tán kèm theo kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có đất và nhu cầu trồng cây phân tán.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

II. Lĩnh vực Trồng trọt

4. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ủy ban nhân dân các huyện, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Ban hành Kế hoạch trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các huyện, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

PHỤ LỤC I

**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP TỈNH**
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP

ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ- ...

..., ngày ... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa năm ...**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ...của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ...;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

(Bản kế hoạch kèm theo)

Điều ...

Điều ...

Nơi nhận:

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...**

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

Đơn vị tính: ha

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	Huyện A					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	Huyện B					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	Huyện					
...					

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

*** Lĩnh vực Lâm nghiệp**

1. Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, tổ chức, chủ đầu tư dự án xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 năm sau, gửi cơ quan thường trực Tiểu dự án 1 của địa phương tổng hợp, cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 của các tổ chức, chủ đầu tư dự án trực thuộc, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện.

Bước 2: Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm, cơ quan chuyên môn, đơn vị được giao, tổng hợp kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 năm sau của địa phương, cụ thể: Cơ quan, đơn vị được giao, tổng hợp kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 năm sau của địa phương mình, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương), đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ dự án thành phần).

Bước 3: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các địa phương tổng hợp kế hoạch thực Tiểu dự án 1 năm sau, cụ thể: Gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp.

Đối với Tiểu dự án 1, việc giao kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg có liên quan khác.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 gửi cơ quan thường trực Tiểu dự án 1 của địa phương: Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

- Tổng hợp kế hoạch và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trước ngày 15 tháng 7 hằng năm;

- Gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, gửi Ủy ban dân tộc tổng hợp: Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, chủ đầu tư dự án

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

*** Lĩnh vực Trồng trọt**

2. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Ủy ban nhân dân các xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa.

Bước 2: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

Dự thảo Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Ban hành Kế hoạch trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

PHỤ LỤC II

**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP HUYỆN**
(Kèm theo Nghị định số 112 /2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ
XÃ ...**

Số: .../QĐ- ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa năm ...**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ...

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ...của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của huyện ...;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm...;

Theo đề nghị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

(Bản kế hoạch kèm theo)

Điều ...

Điều ...

Nơi nhận:

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ ...**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã...)

Đơn vị tính: ha

STT	Xã/phường/thị trấn	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		...
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	Xã/phường/thị trấn A					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	Xã/phường/thị trấn B					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	Xã/phường/thị trấn ...					
...	...					

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

*** Lĩnh vực Trồng trọt**

1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn xã

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết: trước 30/12 năm trước của năm kế hoạch

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

PHỤ LỤC III

**MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ**

(Kèm theo Nghị định số 112 /2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Số .../KH ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
NĂM ...**

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ... về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...

Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn;

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm như sau:

STT	Loại cây trồng/ thủy sản chuyển đổi	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				Thời gian chuyển đổi	Số thửa	Tờ bản đồ số
		Tổng diện tích	Đất chuyên lúa	Đất trồng lúa còn lại				
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương			
I	Trồng cây hàng năm							
	...							
II	Trồng cây lâu năm							
	...							

III	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản							
	...							